

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI  
BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 856 /BVĐKĐN-VTTBYT

Đồng Nai, ngày 29 tháng 5 năm 2026

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

V/v yêu cầu báo giá các gói thầu thuộc dự toán mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm y tế sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai giai đoạn năm 2026-2028 (Lần 2)

**Kính gửi: Các công ty cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm y tế trên toàn quốc.**

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH13 ngày 23/6/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý; sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 24/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

*Căn cứ nhu cầu mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm tập trung sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai giai đoạn 2026-2028.*

Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự toán mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm y tế giai đoạn năm 2026 - 2028 với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai – Số 2, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai.

2. Thông tin liên hệ của Bộ phận tiếp nhận báo giá:

- Bộ phận tiếp nhận: Phòng Vật tư Thiết bị y tế

- Địa chỉ tiếp nhận: Phòng Vật tư Thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai – Số 2, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai

- Số điện thoại: (02518) 825 609 hoặc Kẹt Trà Mi (0908.070.486) – Nhân viên phòng VTTBYT

3. Cách thức nhận báo giá: Nhận trực tiếp hoặc bưu điện.

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư Thiết bị y tế - Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai – Số 2, đường Đồng khởi, phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Kể từ ngày ký Thông báo mời chào giá đến trước 16 giờ 30 ngày 08 tháng 06 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 06 tháng, kể từ ngày 08 tháng 06 năm 2026.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm (*theo file danh mục đính kèm*).

2. Giá chào giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật.

3. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai – Số 2, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

6. Hồ sơ đính kèm Báo giá gồm:

- Văn bản đề nghị chào giá có thể hiện cam kết, chịu trách nhiệm trước Pháp luật đối với: mặt hàng chào giá đáp ứng các yêu cầu về tính năng, yêu cầu về kỹ thuật mời chào giá (kèm theo các tài liệu pháp lý và thông tin của doanh nghiệp); bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Các thông báo, quyết định trúng thầu của mặt hàng chào giá (nếu có) trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký Thông báo mời chào giá trên Hệ thống mạng Đấu thầu quốc gia - Bộ Tài chính.

- Các công ty cam kết không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Các công ty cam kết Giá trị của thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT.  
(MiKT)



**Ngô Đức Tuấn**

CÔNG TY: ....

ĐỊA CHỈ: ....

MÃ SỐ THUẾ: ...

SỐ ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ: ....

### BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai

Địa chỉ: Số 02 Đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai.

Theo Công văn mời chào giá số: /BVĐKĐN-VTTBYT ngày tháng năm 2026 của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	Mã số chào giá	Tên hàng hóa thông thường yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Số đăng ký lưu hành	Phân loại TBYT	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá báo giá (VNĐ)	Công ty báo giá	Đơn giá đã trúng thầu dưới 12 tháng (Nếu có)	Quyết định trúng thầu (Nếu có)	Nơi trúng thầu (Nếu có)	Ghi chú
											(Ghi rõ % VAT và số tiền tương đương)					

- Báo giá này có hiệu lực trong vòng 06 tháng kể từ ngày 04/06/2026.

- Chúng tôi cam kết:

+ Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

+ Giá trị của thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

+ Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày... tháng... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký tên và đóng dấu)



PHỤ LỤC

YÊU CẦU VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA GÓI THẦU THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮM HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI GIA ĐOẠN 2026-2028 (Lần 2)

Gói thầu số 01: Hóa chất, vật tư xét nghiệm

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	BVDKDN913	Que thử độ cứng của nước RO	1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Kiểm tra độ cứng của nước RO trong cung cấp cho máy chạy thận nhân tạo Quy trình bán định lượng độ cứng tổng của nước nằm trong khoảng 0 đến 120 ppm có thể được thực hiện bằng cách so sánh màu chỉ thị của đầu que thử với các khối màu trên nhãn lọ Que thử đưa ra kết quả độ cứng của nước ở các khoảng: 0, 10, 25, 50 và 120 ppm 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Test	1,300	
2	BVDKDN920	Tăm bông vô trùng	"- Đầu bông của Que Tăm Bông y tế được sử dụng từ Bông y tế 100% sợi cotton từ bông xo tự nhiên, đã được loại bỏ lớp sáp, không ẩm ướt, sợi chắc, mịn; Không mùi lạ; Màu sắc hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên; Không có tạp chất, chỉ có sợi bông. - Đường kính đầu bông khoảng 15mm, thân que đường kính 2,5mm. Thân que được làm từ nhựa tiệt khuẩn. - Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính (Cả hai dung dịch không có màu hồng) - Tốc độ chìm: < 8s - Khả năng hút nước: 5g, bông giữ được ≥100 gram nước. - Mật khối lượng do sấy khô: không quá 8,0% - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói: 05 que/ gói, 100 que/ lốc. Tiệt khuẩn từng gói - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, CE, GMP.D926	Que	4,200	
3	BVDKDN923	Kit phát hiện 12 tác nhân gây bệnh tình dục	- Kit phát hiện 12 tác nhân nguy cơ cao lây bệnh đường sinh dục gồm: Neisseria gonorrhoea, Chlamydia trachomatis, Ureaplasma urealyticum, Mycoplasma genitalium, Treponema pallidum, Ureaplasma parvum, Mycoplasma hominis, Trichomonas vaginalis, Candida albicans, Gardnerella vaginalis, Herpes Simplex Virus 1, Herpes Simplex Virus 2 - Công nghệ: Real-time PCR sử dụng Taqman Probe - LoD ≤ 5 copies/ul - Độ nhạy: 96.44% - 100% - Độ đặc hiệu: 98.20% - 100% - Có hệ thống chống ngoại nhiễm Uracil-DNA Glycosylase(UDG) - Các kênh màu huỳnh quang sử dụng: FAM, HEX, Cy5, Q705, Rox - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD, ISO13485	Test	500	
4	BVDKDN925	Javel 10- 11%	1. Thành phần: Natri hypochloride 2. Nồng độ: 10- 11%; 1000ml 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Trong suốt, màu vàng nhạt, mùi hắc 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Lít	1,630	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
5	BVDKDN926	Dung dịch Ethanol 70% (can 5 lít)	1. Thành phần: Ethanol 2. Nồng độ: Ethanol 70% 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dung dịch Ethanol 70% trong suốt, không màu dùng để sát khuẩn vết thương ngoài da, dụng cụ y tế, hỗ trợ khử khuẩn y tế 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Lít	10,000	
6	BVDKDN927	Dung dịch cồn tuyệt đối Ethanol 99%.	1. Thành phần: Ethanol 2. Nồng độ: Ethanol 99% 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: pha loãng để tẩy rửa, vệ sinh, sát khuẩn. Sử dụng để sát khuẩn tay, dụng cụ trong gia dụng, y tế Có thể sử dụng nhiều lần trong ngày không làm hại da tay 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Lít	2,000	
7	BVDKDN928	Dung dịch Ethanol 90% (can 5 lít)	1. Thành phần: Ethanol 2. Nồng độ: Ethanol 90% 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dung dịch Ethanol 90% trong suốt, không màu dùng để sát khuẩn vết thương ngoài da, dụng cụ y tế, hỗ trợ khử khuẩn y tế. Thể tích can 5 lít 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Lít	2,000	
8	BVDKDN929	Than hoạt tính	1. Thành phần: Than hoạt tính 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Kg	10	
9	BVDKDN934	Tinh dầu sả	chất lỏng màu vàng nhạt, có mùi thơm đặc trưng	Lít	500	
10	BVDKDN936	Hoá chất - Ammoniac solution 25% for analysis EMSURE® ISO, Reag. Ph Eur (Merck) 105432.1011	Ammonia solution (NH4OH) 100%	Lít	2	
11	BVDKDN1132	Test xét nghiệm Amphetamine trong máu	Định tính Amphetamine trong máu bằng phương pháp xét nghiệm sắc ký miễn dịch. Thời gian đọc kết quả < 10 phút. Ngưỡng phát hiện (cutoff): ≤ 80 ng/ml.	Test	7,200	
12	BVDKDN1133	Test xét nghiệm Morphine trong máu	Định tính Morphine trong máu bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. Thời gian đọc kết quả < 10 phút. Ngưỡng phát hiện (cutoff): 40 ng/ml.	Test	7,200	
13	BVDKDN1134	Test xét nghiệm THC trong máu	Định tính THC trong máu bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. Thời gian đọc kết quả < 10 phút. Ngưỡng phát hiện (cutoff): 35 ng/ml.	Test	7,200	
14	BVDKDN1135	Test xét nghiệm Methamphetamine trong máu	Định tính Methamphetamine trong máu bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. Thời gian đọc kết quả < 10 phút. Ngưỡng phát hiện (cutoff): 70 ng/ml.	Test	7,200	
15	BVDKDN1167	Hóa chất pha loãng	1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Sản phẩm là hóa chất được dùng để pha loãng mẫu nước tiểu trước khi phân tích. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Hộp	2	
16	BVDKDN1168	Hóa chất rửa	1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Sản phẩm là hóa chất được dùng để rửa sạch vào cuối ngày làm việc để loại bỏ những chất đậm lắng lại. Dùng cho xét nghiệm chuyên nghiệp. Chỉ dùng cho chuẩn đoán in vitro. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp	16	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
17	BVDKDN1169	Test xét nghiệm nhanh định tính kháng thể HIV 1/2	1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Xét nghiệm sắc ký miễn dịch nhanh nhằm phát hiện định tính kháng thể HIV 1 và/hoặc HIV 2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. Test thử HIV 1/2 Human Immunodeficiency Virus Rapid Test Device (Whole Blood/Serum/Plasma) so sánh xét nghiệm HIV EIA thương mại hàng đầu. Tỷ lệ kết quả phù hợp là 99,8% - Độ nhạy tương quan : 99,9% (99,3%-100%) - Độ đặc hiệu tương quan : 99,6% ( 99,1%-99,9%) - Độ chính xác tương quan : 99,8% (99,4%-99,9%) - Đọc kết quả sau 15 phút 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Test	1,000	
18	BVDKDN1170	Hóa chất định lượng	1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Sản phẩm là hóa chất được dùng để xác định định lượng natri (Na+), kali (K+), clorua (Cl-) và Lithium (Li+) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu (kết quả nước tiểu chỉ đo được Na+, K+ và Cl-) 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp	28	
19	BVDKDN1177	Bi-Level Quality Control Kit hoặc tương đương	1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Sản phẩm là dung dịch chứa muối, chất đệm, albumin bò và chất bảo quản dùng để thiết lập hoạt động của các hệ thống phân tích điện giải. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Hộp	28	
20	BVDKDN1178	Anti-A (IgM)	1. Thành phần: Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A 500100 (1,0ml) 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100% 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	ml	4,800	
21	BVDKDN1179	Anti-B (IgM)	1. Thành phần: Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai B501100 (1,0ml) 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100% 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	ml	4,800	
22	BVDKDN1180	Anti-D (IgM+IgG)	1. Thành phần: Anti-D (Rho): Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti D BS225 (1,0ml). Thuốc thử Anti-D (Rho) là hỗn hợp gồm cả kháng thể đơn dòng IgM và IgG kháng nguyên D 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100% 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	ml	2,400	
23	BVDKDN1181	Anti-AB (IgM)	1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Kháng thể đơn dòng được tạo ra từ chuỗi tế bào Hybridoma bằng cách kết hợp kháng thể chuột tạo ra tế bào Lympho B với tế bào tủy chuột dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. Hiệu suất: 1:512. Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100%; Dung dịch dạng lỏng, không màu. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	ml	4,800	
24	BVDKDN1184	Đĩa giấy thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Optochin hoặc tương đương	1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Optochin 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Đĩa	4,000	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
25	BVDKDN1185	Test định danh que giấy IVD NK-X/V/XV	1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Bộ định danh que giấy IVD NK-X/V/XV gồm 3 tube (1 tube chứa que giấy X, 1 tube chứa que giấy V, 1 tube chứa que giấy XV), mỗi tube chứa 10 que giấy dùng thực hiện thử nghiệm xác định nhu cầu cần yếu tố X (hemin) và/hoặc V (NAD: nicotin adenine dinucleotide) để định danh vi khuẩn Haemophilus 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Test	500	
26	BVDKDN1186	Đĩa giấy Nitrocefin hoặc tương đương	1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dầy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện $\beta$ -lactamase cổ điển 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Lọ	20	
27	BVDKDN1187	Đĩa môi trường đổ sẵn petri $\Phi$ 90mm	1. Thành phần: Chromogenic mix, Peptone, yeast and extract, Agar, Nước cất, pH: 6.8 2. Nồng độ: Chromogenic mix (24mg); Peptone, yeast and extract (0,4g); Agar (0,36g); Nước cất (24mL). pH: $6.8 \pm 0.2$ ở 25°C; 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri $\Phi$ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt được dùng phân lập vi khuẩn gây nhiễm trùng tiểu. Bao gói bằng màng Cellophane 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Đĩa	2,000	
28	BVDKDN1188	Bộ thuốc nhuộm Gram	1. Thành phần: Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranin 2. Đặc tính, thông số kỹ thuật: Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranin 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Bộ	100	
29	BVDKDN1189	Lọ hóa chất dùng thực hiện thử nghiệm coagulase để định danh Staphylococcus	1. Đặc tính, thông số kỹ thuật: Dạng bột chưa trong lọ dùng thực hiện thử nghiệm coagulase bằng huyết thỏ đông khô để định danh Staphylococcus 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Lọ	500	
30	BVDKDN1190	Đĩa giấy Oxidase hoặc tương đương	1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dầy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm Oxidase 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Đĩa	500	
31	BVDKDN1191	Lọ môi trường dung nạp 6,5% NaCl	1. Đặc tính, thông số kỹ thuật: Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để phát hiện khả năng dung nạp 6.5% sodium chloride của vi khuẩn để phân biệt Enterococcus với non – Enterococcus. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Lọ	300	
32	BVDKDN1192	Môi trường tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ Haemophilus influenzae	1. Thành phần: Brain Heart, Infusion, Peptic Digest of Animal Tissue, Pancreatic Digest of Gelatin, Dextrose, Sodium Chloride, Disodium Phosphate, Nước cất (3mL). 2. Nồng độ: Brain Heart, Infusion (18mg); Peptic Digest of Animal Tissue (18mg); Pancreatic Digest of Gelatin (43,5mg); Dextrose (9mg); Sodium Chloride (15mg); Disodium Phosphate (7,5mg); Nước cất (3mL). 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường BHI. Dùng để tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ Haemophilus influenzae. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Lọ	2,000	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
33	BVDKDN1193	Haemophilus Test Medium (HTM 90mm)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Công dụng: Môi trường Mueller Hinton Agar có bổ sung hemin (yếu tố X) và NAD (yếu tố V) để thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh hoặc bằng que MIC trên Haemophilus. Thành phần Beef extract (48mg); Acid hydrolysate of Casein (0,42g); Starch (36mg); Agar (0,4g); Nước cất (24mL); Hematin (3,6μg); Nicotinamide Adenine Dinucleotide (3,6μg).	Đĩa	300	
34	BVDKDN1194	Môi trường nuôi cấy	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Công dụng: Môi trường nuôi cấy chọn lọc staphylococcus. Phân biệt S. aureus và S. epidermidis dựa trên khả năng lên men mannitol. Thành phần Beef Extract (24mg); Pancreatic Digest of Casein (0,12g); Peptic Digest of Animal Tissue (0,12g); Sodium Chloride (1,8g); D-Mannitol (0,24g); Phenol Red (0,6mg); Agar (0,4g); Nước cất (24mL). Cảm quan: Màu sắc: đỏ nhạt; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp Khả năng phân lập, nuôi cấy: - S.aureus ATCC 25923 : Mọc tốt, khuẩn lạc vàng - S. epidermidis ATCC 12228 : Mọc tốt, khuẩn lạc đỏ - E.coli ATCC 25922 : Mọc yếu đến không mọc	Đĩa	3,000	
35	BVDKDN1195	Nigrosin 10%	Thực hiện xét nghiệm soi tươi có nền để tìm Cryptococcus trong dịch não tủy. Thành phần Nigrosin (10%)	Lọ	30	
36	BVDKDN1197	Máu cừu 10mL	Máu cừu 10mL đựng trong tube bằng nhựa PP, có dung tích 15mL, kích thước 120 × 17mm. Máu cừu được kháng đông bằng bi thủy tinh để loại bỏ fibrin (không sử dụng chất kháng đông). Dùng pha chế các loại môi trường thạch nuôi cấy vi sinh. Tỷ lệ hồng cầu >50%	Tube	100	
37	BVDKDN1198	NALC 10 mẫu	NALC 10 mẫu (N-acetyl-L-cystein), dung dịch pha loãng đậm	Bịch	2,000	
38	BVDKDN1199	Môi trường nuôi cấy	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Công dụng: Môi trường nuôi cấy chọn lọc Salmonella và Shigella. Áp dụng nuôi cấy mẫu phân. Thành phần Beef Extract (0,12g); Pancreatic Digest of Casein (60mg); Peptic Digest of Animal Tissue (60mg); Lactose (0,24g); Bile Salts (0,2g); Sodium Citrate (0,2g); Sodium Thiosulfate (0,2g); Ferric Citrate (24mg); Neutral Red (0,6mg); Agar (0,4g); Brilliant Green (7,92μg); Nước cất 24mL.	đĩa	500	
39	BVDKDN1200	Đĩa môi trường thạch nâu có VCN nuôi cấy vi sinh vật	1. Đặc tính, thông số kỹ thuật: Môi trường nuôi cấy chọn lọc, dùng phân lập chọn lọc vi khuẩn Neisseria. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	đĩa	500	
40	BVDKDN1201	Tube môi trường chuyên chở và bảo quản mẫu thử dùng trong xét nghiệm vi sinh, Stuart Amies hoặc tương đương	1. Đặc tính, thông số kỹ thuật: Tube đĩa nhựa có chứa 3ml môi trường Stuart Amies. Thích hợp để chuyên chở và bảo quản mẫu thử dùng trong xét nghiệm vi sinh. Ngoại trừ phân, nước tiểu, dịch não tủy, đàm, máu. Thời gian lưu giữ mẫu: 48h/ nhiệt độ thường 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	tube	500	

NH  
NH V  
A KH  
ÔNG  
★

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
41	BVDKDN1202	Đĩa môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt dùng phân lập Salmonella, Shigella	1. Thành phần: Peptic Digest of Animal Tissue (0,288g); Sodium Chloride (0,12g); Yeast Extract (72mg); Sodium Thiosulfate (0,12g); Bile Salts (0,216g); Ferric Ammonium Citrate (36mg); Lactose (0,288g); Bromthymol Blue (1,6mg); Sucrose (0,288g); Acid Fuchsin (2,4mg); Salicin (48mg); Agar (0,4g); Nước cất (24mL) 2. Đặc tính, thông số kỹ thuật: Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Salmonella, Shigella. Phân biệt khả năng lên men lactose. Môi trường có pH: 7.5 ±0.2 ở 25°C, đóng gói bằng màng Cellophane. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Đĩa	2,000	
42	BVDKDN1203	Hóa chất dùng phát hiện Catalase (Hydrogen Peroxide - H2O2)	1. Thành phần: Hydrogen peroxide (H2O2) 2. Đặc tính, thông số kỹ thuật: Lọ có chứa 2ml thuốc thử dùng thực hiện thử nghiệm phát hiện Catalase 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Lọ	30	
43	BVDKDN1204	Môi trường nuôi cấy vi sinh Brain Heart Infusion Broth, Glycerol (20%)	1. Thành phần: Brain Heart Infusion Broth, Glycerol (20%) 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Đựng trong ống nhựa dùng để bảo quản và lưu giữ vi khuẩn. Thời gian bảo quản chủng vi khuẩn - 20 độ C (1 năm), -30 độ C (2 năm), -70 độ C (10 năm). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Ống	500	
44	BVDKDN1208	Hematoxylin loại 7211	Thành phần: Nước, Ethylene glycol, Aluminum ammonium sulfate dodecahydrate, acetic acid, Hematoxylin, Sodium iodate Nhuộm tế bào, công thức đặc biệt cho kết quả vượt trội hơn cả Gill Hematoxylin hoặc Harris Hematoxylin, không thích hợp cho nhuộm mucin, lam nhuộm sắc nét rõ ràng, vùng nhân được phân định rõ. Tương thích máy giải phẫu bệnh của bệnh viện Đạt ISO 13485; EC; FDA (CFG)	Hộp	36	
45	BVDKDN1216	CD45RO	Hóa mô miễn dịch IHC liên kết Polymer với Montage PoluVue, thời gian ủ 30 phút, pha loãng 1:25 - 1:50, Montage HIER EDTA pH8.0, Opus: 20 phút, 2ml x 10X diluent. Dòng : CD45RO, LCA/CD45 (PD7/26 + 2B11)	ml	6	
46	BVDKDN1219	Cytokeratin 5/6	- Kháng thể Chuột đơn dòng Cytokeratin 5/6. In Vitro Diagnostic (IVD). - Nhuộm với hệ thống phát hiện 2 bước Montage PolyVue Plus , dạng pha sẵn. - Đóng gói 6ml/ lọ., tương đương 50 test - Dòng tế bào (clone): D5/16 B4 - Bảo quản: 2-8°C. Tiêu chuẩn: ISO 13485; FDA	ml	6	
47	BVDKDN1230	PSA	- Kháng thể Chuột đơn dòng PSA. In Vitro Diagnostic (IVD). - Nhuộm với hệ thống phát hiện 2 bước Montage PolyVue Plus, dạng pha sẵn. Đóng gói 6ml/ lọ., tương đương 50 test - Dòng tế bào (clone): 35H9 - Bảo quản: 2-8°C. Tiêu chuẩn: ISO 13485; FDA	ml	6	
48	BVDKDN1231	SMA	Hóa mô miễn dịch IHC liên kết Polymer với Montage PoluVue, thời gian ủ 30 phút, pha loãng 1:25 - 1:50, Montage HIER EDTA pH8.0, Opus: 20 phút, 2ml x 10X diluent. Dòng : SMA (BV9)	ml	6	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
49	BVDKDN1232	Hóa chất dùng cho máy nhuộm lam Glypican-3 (GPC3)	1. Nồng độ: Montage HIER EDTA pH8.0, 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Hóa mô miễn dịch IHC liên kết Polymer với Montage PoluVue, thời gian ủ 30 phút, pha loãng 1:25 - 1:50, Opus: 20 phút, 2ml x 10X diluent. Dòng : Glypican-3 (DBR16.17) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	ml	10	
50	BVDKDN1240	Hóa chất dùng cho máy nhuộm lam	1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: là Bộ kit phát hiện cho tín hiệu màu nâu – chứa phức hợp kháng thể polymer horseradish peroxidase (HRP)-linker và không chứa biotin được sử dụng với mục đích hiển thị được IgG chuỗi, IgM chuỗi và kháng thể chính (kháng thể sơ cấp) của thỏ trên mô. Hệ thống được thiết kế để phát hiện mục tiêu bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch trên mẫu bệnh phẩm mô nhúng parafin cố định trong formalin sử dụng trong các hệ thống hoá mô miễn dịch IHC. - Bộ kit hạn chế sử dụng streptavidin và biotin, và do đó loại bỏ nhuộm màu không đặc hiệu do biotin nội sinh. Dùng trong chẩn đoán in vitro. - Bộ hóa chất được sử dụng cho 200 – 300 tests. - Bộ phát hiện màu bao gồm: a. Peroxide Block (3–4%) – 30 mL. b. Post Primary (30 mL) – Kháng thể thỏ kháng chuỗi. c. Polymer (30 mL) – Kháng thể Poly-HRP-IgG kháng thỏ. d. DAB Part A (2.4 mL) – 3,3'-Diaminobenzidine tetrahydrochloride. e,f. DAB Part B (30 mL) – Hydrogen peroxide trong dung dịch ổn định. g. Hematoxylin (30 mL). 2. Đạt chứng nhận ISO 13485 3. Xuất xứ: G20	ml	1,000	
51	BVDKDN1254	Hóa chất dùng cho máy nhuộm lam Actin Alpha Smooth Muscle	1. Nồng độ: Montage HIER EDTA pH8.0, 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Hóa mô miễn dịch IHC liên kết Polymer với Montage PoluVue, thời gian ủ 30 phút, pha loãng 1:25 - 1:50, Opus: 20 phút, 2ml x 10X diluent. Dòng : ACTIN, 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	ml	30	
52	BVDKDN1257	Kháng thể hóa mô miễn dịch p40 (p)	1. Thành phần: Montage HIER EDTA, 2. Nồng độ: pH8.0 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Hóa mô miễn dịch IHC liên kết Polymer với Montage PoluVue, thời gian ủ 30 phút, pha loãng 1:25 - 1:50, Opus: 20 phút, 2ml x 10X diluent, Dòng : P40 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	ml	30	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
53	BVDKDN1261	FORMALDEHYDE 40%	Dung dịch cố định mẫu bệnh phẩm trong giải phẫu học - Nồng độ: từ 36.5% - 38% - Tỷ trọng 1l~1,08 Kg / 1Kg~0,93 l - Mật độ: 1,080÷1,084 ở 20°C - Polimerizzazione: <15°C - Acidity (as HCOOH) 0,025 % - APHA colour 10 - Chloride (Cl) 0,0005% - Heavy metals (as Pb) 0,0005% - Sulfate (SO4) 0,002% - Methanol 10,0-12,0 % - Deionized water > 50% - ISO 13485; ISO 9001	ml	400,000	
54	BVDKDN1262	Hóa chất dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp	"- Mô tả hình dạng: Băng hóa chất H2O2 (Hydrogen Peroxide) dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp - Kích thước: 240 x 90 x 13 mm - Thành phần: Mỗi băng chứa 12 viên hóa chất, mỗi viên chứa 2 ml H2O2 nồng độ ≥ 58%, tương đương 6 lượt tiệt trùng tiêu chuẩn. - Có thể chip RFID để máy tiệt trùng tự động nhận dạng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Hộp/5 cái	800	
55	BVDKDN1276	Giấy thấm chất thử (chỉ thị hóa học) dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế bằng hơi nước 1,5 cm x 20 cm.	Chỉ thị hóa học hơi nước nhóm 4 sử dụng để giám sát chất lượng tiệt khuẩn bên trong mỗi gói dụng cụ. - Phản ứng với hơi nước, thời gian và nhiệt độ. - Kiểu đục lỗ ở giữa cho phép sử dụng toàn bộ hoặc nửa chiều dài cho kích thước gói khác nhau. - Kích thước: 1.5cm*20cm. - Dùng được cho tất cả lò hấp hơi nước trọng lực hoặc hút chân không 121–134°C. - Mực chỉ thị hóa học chuyển từ trắng sang đen khi tiếp xúc với hơi nước trong quá trình tiệt khuẩn. - Sau khi sử dụng, chỉ thị sẽ không thay đổi màu trong vòng 6 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn. - Xuất xứ: Hàng hóa có xuất xứ các nước trong G7. - Thành phần: Chì Carbonate Hydroxide 0.5-0.9%, Giấy >99%. - Đạt tiêu chuẩn FDA và ISO 13485-2016.	Que	5,000	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
56	BVDKDN1277	Chỉ thị hóa học đa thông số (Hấp ướt), sử dụng bên trong gói dụng cụ 5.1 cm x 1.9 cm	<p>Chỉ thị hóa học hơi nước nhóm 5 sử dụng để giám sát chất lượng tiệt khuẩn bên trong mỗi gói dụng cụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát tất cả 3 biến quan trọng của quá trình tiệt khuẩn: thời gian, nhiệt độ và hơi nước.</li> <li>- Xuất xứ: Hãng hóa có xuất xứ các nước trong G7.</li> <li>- Cấu tạo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bao gồm một bậc giấy và một viên hóa chất nhạy cảm với hơi nước và nhiệt độ, tất cả được bao bọc trong 1 lớp giấy/màng phim/ lá kim loại.</li> <li>+ Công nghệ di chuyển mực in phía trước, viên hóa chất chảy và chuyển thành màu tối sẫm chạy dọc theo bậc giấy.</li> </ul> </li> <li>- Kích thước: 5.1cm x 1.9cm.</li> <li>- Hiệu suất tương quan với một chỉ thị sinh học.</li> <li>- Kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn gói dụng cụ của tất cả các chu trình tiệt khuẩn bằng hơi nước từ 121-135°C.</li> <li>- Đọc kết quả với thiết kế vạch màu dịch chuyển qua ô màu xanh lá được đánh dấu "ACCEPT" là đạt hoặc ô màu đỏ được đánh dấu "REJECT" là không đạt.</li> <li>- Chỉ báo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 6 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn.</li> <li>- Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy 55-65%, Acrylate Adhesive 35-45%, Nhôm &lt;0.1%, Polypropylene &lt;0.1%, Coatings &lt;0.01%, Mực &lt;0.1%.</li> <li>+ Sản phẩm không chứa chì.</li> </ul> </li> <li>- Là chỉ thị tích hợp loại 5 được phân loại theo ISO 11140-1:2014.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA và ISO 13485-2016.</li> </ul>	Miếng	24,000	
57	BVDKDN1278	Chỉ thị sinh học dành cho hấp ướt	<p>Chỉ thị sinh học hấp ướt Cho kết quả trong 24 phút chu trình hút chân không.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất xứ: Hãng hóa có xuất xứ các nước trong G7.</li> <li>- Cấu tạo: Ống đóng sẵn chứa bào tử Geobacillus stearothermophilus.</li> <li>- Dùng kiểm tra chất lượng và kiểm soát liên tục quá trình tiệt khuẩn bằng hơi nước. Dùng với lò tiệt khuẩn hơi nước có hỗ trợ chân không từ 132°C đến 135°C.</li> <li>- Thời gian đọc kết quả: 24 phút khi ủ với máy 3M TM Autoreader 490 hoặc 490M.</li> <li>- Thành phần: Ống nhựa 50-60%, Nắp Polypropylene 20-25%, Dung dịch môi trường tăng trưởng 10-15%, Ống thủy tinh Borosilicate 5-10%, Chất hỗ trợ quy trình &lt;5%, Nhãn &lt;2%, Vải không dệt Nylon &lt;2%, Bào tử Geobacillus stearothermophilus 0.01-0.05%.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA và ISO 13485:2016.</li> </ul>	Ống	4,000	



STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
58	BVDKDN1279	Chi thị hóa học dùng trong lò hấp	"1. Chất liệu: Gồm một bắc giấy và một viên hóa chất nhạy cảm với hơi nước và nhiệt độ, tất cả được bao bọc trong 1 lớp giấy/màng phim/ lá kim loại 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Chi thị hóa học hơi nước được sử dụng để giám sát chất lượng tiệt khuẩn bên trong mỗi gói dụng cụ. Công nghệ di chuyển mực in phía trước, viên hóa chất chảy và chuyển thành màu tối sẫm chạy dọc theo bắc giấy. Để đọc kết quả với thiết kế màu sắc sinh động nhìn thấy được qua ô màu xanh lá được đánh dấu ""ACCEPT"" là đạt hoặc ô màu đỏ được đánh dấu ""REJECT"" là không đạt. Mặt sau có màu Trắng / Đỏ: dễ dàng tìm thấy hơn (ngay cả khi bị lật úp trong khay dụng cụ). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE"	Miếng	20,000	
59	BVDKDN1280	Chi thị hóa học dùng kiểm tra máy hấp nhiệt độ thấp	"1. Thông số kỹ thuật: Kích thước: 101mm x 19mm. 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dùng để kiểm tra sự thâm nhập của H2O2 vào bên trong gói hấp plasma. Chi thị sẽ chuyển từ màu xanh sang màu hồng tím là đối chứng là đạt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO"	Miếng	10,000	
60	BVDKDN1281	Tấm bông vô trùng dài 15 cm	1. Chất liệu: Đầu bông từ 100% bông xơ tự nhiên, thân nhựa 2. Thông số kỹ thuật: đầu tròn nhỏ 3mm, thân nhựa dài 15cm±0,5 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: bông xơ thiên nhiên, đã được loại bỏ chất béo và được tẩy trắng. Tốc độ chìm không quá 8 giây. Khả năng hút nước >100, pH 5,0÷8,0. Vô khuẩn 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Que	20,000	
61	BVDKDN1282	Lọ lấy đàm	1. Chất liệu: Ống dẫn PVC mềm, mờ và chống xoắn 2. Thông số kỹ thuật: Bình chứa 25ml có nắp đậy, dây dài 40cm (38±1cm), 30cm (30±1cm) 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: dây thông với còi miệng hoặc kết nối van điều khiển. Được tiệt trùng bằng khí EO 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	12,000	
62	BVDKDN1283	Ống đo	1. CÔNG DỤNG Dụng cụ chứa mẫu máu dùng cho máy xét nghiệm lắng máu IRIA, LENA, THERMA, ERILINE. Đo tốc độ máu lắng bằng tia hồng ngoại cho kết quả trong vòng 24 giờ. 2. THÀNH PHẦN Ống nhựa polypropylene Nắp bảo vệ: ngăn nhiễm khuẩn Chất chống đông: 4NC/ Citrate 3Na	Ống	2,250	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
63	BVDKDN1286	Băng chỉ thị nhiệt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Băng keo chỉ thị nhiệt kích thước 1,8cm x 55m, vạch mực chuyển từ trắng ngà sang nâu sẫm/đen sau tiết khuẩn.</li> <li>- Thành phần: giấy 75-85%, chất bám dính 10-20%, Acrylic Polymer: 2-5%, mực chỉ thị 0,5-2%.</li> <li>- Dùng cho các chu trình tiết khuẩn hơi nước 121°C và 132-135°C.</li> <li>- Không đổi màu trong 6 tháng sau tiết khuẩn</li> <li>- Lớp nền là giấy crepe có thể co giãn, chất kết dính đặc biệt tránh bị bung ra trong quá trình tiết khuẩn, có thể viết lên, hoặc dán nhãn.</li> <li>- Không chứa chì</li> <li>- Là chỉ thị Type 1 theo phân loại của ISO 11140-1:2014. Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485:2016 do BSI đánh giá.</li> <li>- Xuất xứ: Hàng hóa có xuất xứ các nước trong G7</li> </ul>	Cuộn	1,400	
64	BVDKDN1287	Gói Bowie Dick	<ul style="list-style-type: none"> <li>Gói thử chất lượng máy tiết khuẩn hơi nước</li> <li>- Thành phần: Giấy 90-98%; Sulfur 1-2%; Acrylic polymer 0-1%</li> <li>- Kích thước: 12.7 x 11.1 x 1.9cm</li> <li>- Dùng để kiểm tra độ hiệu quả của khả năng xả khí cho lò hơi nước hút chân không - chu trình tiết khuẩn 132°C - 134°C</li> <li>- Không chứa chì (Lead Free)</li> <li>- Tương thích với chu trình tiết khuẩn 132-134°C</li> <li>- Đóng gói theo tiêu chuẩn AAMI</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn: FDA và ISO 13485</li> <li>- Xuất xứ: Hàng hóa có xuất xứ các nước trong G7</li> </ul>	Gói	3,800	
65	BVDKDN1291	Dầu bôi trơn bảo dưỡng dụng cụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Thành phần, thông số, tính năng kỹ thuật:</li> <li>- Giữ cho dụng cụ hoạt động trơn tru và kéo dài tuổi thọ của dụng cụ.</li> <li>- Công thức không có gốc Silicone, không can thiệp vào quá trình khử trùng bằng hơi nước hoặc khí ETO.</li> <li>- Chứa chất bảo quản, không hỗ trợ sự phát triển của vi sinh vật trong dung dịch.</li> <li>- Thành phần hóa học:</li> <li>+ Dimethylol-5,5-dimethylhydantoin: 1-3%.</li> <li>- Tính chất vật lý:</li> <li>+ Hình dạng: Chất lỏng.</li> <li>+ Màu: Trắng đục.</li> <li>+ Mùi: mùi oleic nhẹ.</li> <li>+ Trọng lượng riêng: 0.989.</li> <li>+ pH: 7.8.</li> <li>2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>	Can/5l	100	
66	BVDKDN1301	Băng đựng hydrogen peroxyd	<ul style="list-style-type: none"> <li>Băng đựng hóa chất H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> dùng cho máy tiết trùng nhiệt độ thấp STERRAD 100NX</li> <li>- Mỗi băng gồm 10 cell mỗi cell chứa 5,4ml H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> 58%</li> <li>- Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO, CFS</li> </ul>	Băng	1,500	

NH  
 NH VII  
 A KHO  
 ĐNG N  
 ★

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
67	BVDKDN1302	Test xét nghiệm Real Time PCR	<p>1. Thành phần: mẫu máu toàn phần, huyết tương, dịch não tủy, nước tiểu, đờm, dịch rửa phế quản, mẫu chất lỏng, tinh dịch, mẫu tick, nước bọt, và dịch phết</p> <p>1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: sử dụng trong chẩn đoán và nghiên cứu với chu trình PCR. Cho phép tách chiết DNA bộ gen từ mẫu máu toàn phần, huyết tương, dịch não tủy, nước tiểu, đờm, dịch rửa phế quản, mẫu chất lỏng, tinh dịch, mẫu tick, nước bọt, và dịch phết. Có thể dùng để tinh sạch DNA virus và DNA vi khuẩn.</p> <p>Cho phép thu hồi DNA bộ gen có độ tinh sạch cao với tỉ lệ A260/280 từ 1.60 đến 1.90 và nồng độ phổ biến 40-60 ng/μl.</p> <p>DNA thu được sẵn sàng sử dụng cho các ứng dụng tiếp theo như PCR.</p> <p>2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</p>	Test	20	
68	BVDKDN1303	Test xét nghiệm PANA RealTyperSTD kit ( hoặc tương đương)	<p>1. Thành phần: Loại mẫu được sử dụng: Mẫu dịch phết âm đạo Mẫu nước tiểu</p> <p>2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Bộ thuốc thử sử dụng trong chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện và phân biệt sự hiện diện của 13 loại tác nhân gây bệnh qua đường tình dục (STD) từ mẫu tăm bông âm đạo và nước tiểu. Bộ thuốc thử tham gia xét nghiệm khuếch đại DNA sử dụng phát hiện định tính tổng cộng 13 loại tác nhân STD bằng phương pháp Real-time PCR sử dụng các đầu dò PNA (peptide nucleic acid) và phân tích nhiệt độ nóng chảy (Tm). Các tác nhân được phát hiện bao gồm: vi khuẩn (Chlamydia trachomatis, Ureaplasma parvum, Trichomonas vaginalis, Mycoplasma genitalium, Mycoplasma hominis, Neisseria gonorrhoeae, Ureaplasma urealyticum, Haemophilus ducreyi, Gardnerella vaginalis, Candida albicans, Treponema pallidum) và vi rút (Herpes simplex virus 1, Herpes simplex virus 2)</p> <p>3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</p>	Test	50	
69	BVDKDN1305	Đĩa Petri nhựa vô trùng 90x16mm	<p>1. Thành phần: Nhựa vô trùng</p> <p>2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: kích thước 90x16mm</p> <p>3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</p>	đĩa	30,000	
70	BVDKDN1308	Test nhanh chẩn đoán giang mai kỹ thuật RPR Charbon	<p>1. Đặc tính, thông số kỹ thuật: Test phát hiện kháng thể Treponemal trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương kỹ thuật RPR định tính. Kit 500 test chứa lọ kháng nguyên RPR; lọ kiểm soát âm tính; lọ kiểm soát dương tính. Hiện thị kết quả sau 1 phút. Độ nhạy: 99,93%, độ đặc hiệu: 99,96%. Khay 10 giếng, tốc độ quay 100 vòng/ phút.</p> <p>2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</p>	Test	3,000	
71	BVDKDN1310	Test sử dụng cho tách chiết tự động	<p>1. Thành phần: hóa chất trong mỗi dây Auto tube: Lysis buffer: 400ul, washing buffer: 800ul, magnetic Beads: 800ul, Washing Buffer 3: 800ul, Washing Buffer 3: 800ul, Elution Buffer: 80ul. 1.</p> <p>2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Bộ kit thích hợp để tách chiết DNA nhiều loại axit nucleic của vi rút, phổ biến nhất được áp dụng cho vi rút viêm gan B với nồng độ thấp nhỏ hơn 100 IU / ml. Có thể xử lý tách chiết từ 1 mẫu đến 32 mẫu đồng thời. Thời gian tách chiết: 40 phút</p> <p>3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, Có chứng chỉ CE IVD</p>	Test	3,200	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
72	BVDKDN1311	Test sử dụng cho xét nghiệm Chẩn Đoán Lao Bằng Kỹ Thuật Realtime Pcr	1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Bộ xét nghiệm qPCR sử dụng taqman probe để phát hiện MTB – DNA trong các mẫu thử khác nhau (không bao gồm ly trích). Taqman Probe huỳnh quang FAM phát hiện MTBDNA và huỳnh quang HEX phát hiện MTBDNA-IC. Chu trình nhiệt (1 chu kì 95oC – 15 phút, 40 chu kì 95oC – 20 giây 60oC – 60 giây (Đọc tín hiệu)) 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Test	3,200	
73	BVDKDN1312	Test sử dụng cho tách chiết tự động	1. Thành phần bao gồm: Tube/Plate, Protein K, Elution Buffer, strip, Base. Thành phần hóa chất trong mỗi dây Auto tube: Lysis buffer: 400ul, washing buffer: 800ul, magnetic Beads: 800ul, Washing Buffer 3: 800ul, Washing Buffer 3: 800ul, Elution Buffer: 80ul 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Bộ kit thích hợp để tách chiết RNA nhiều loại axit nucleic của vi rút, với nồng độ thấp nhỏ hơn 100 IU / ml. Có thể xử lý tách chiết từ 1 mẫu đến 32 mẫu đồng thời. Thời gian tách chiết: 40 phút 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, Có chứng chỉ CE IVD	Test	2,000	
74	BVDKDN1313	Môi trường nuôi cấy	1. Thành phần: Yeast extract, Bacteriological peptone, Sodium thiosulphate, Sodium citrate, Bromothymol blue, Thymol Blue, 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Vibrio. Dạng bột mịn, đồng nhất, màu be nhạt đến màu be xanh. Phân biệt khả năng lên men Sucrose. Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy, phân lập thuộc loài Vibrio spp. đặc biệt là Vibrio cholerae, Vibrio parahaemolyticus từ các mẫu bệnh phẩm. pH: 8,6 ±0,2 ở 25°C 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Đĩa	2,000	
75	BVDKDN1314	Đĩa môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm	1. Đặc tính, thông số kỹ thuật: Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Phân biệt khả năng lên men Lactose. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Đĩa	20,000	
76	BVDKDN1315	Đĩa môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi nấm Sabouraud Dextrose Agar hoặc tương đương	1. Thành phần: Dextrose (0,96g); Peptone (0,24g); Agar (0,36g); Nước cất (24mL). 2. Đặc tính, thông số kỹ thuật: Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi nấm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Đĩa	2,000	
77	BVDKDN1320	Test xét nghiệm phát hiện kháng nguyên kháng Samonella	1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Là một thử nghiệm ngưng kết trên slide và ống để phát hiện định tính và bán định lượng các kháng thể kháng Salmonella trong huyết thanh người. Thuốc thử, huyền dịch vi khuẩn đã bị giết chết và bị nhuộm ngưng kết khi trộn với mẫu có chứa kháng thể tương đồng 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO; CE	Test	1,200	
78	BVDKDN1420	Lamelle (tấm phủ lam kính) 24x50	Coverglasses Bio-Optica 24 x 50 mm	cái	90,000	
79	BVDKDN1421	Lam nhuộm hóa mô miễn dịch	"- Lam tích điện dương, kích thước (25-25,5) x (75-75,5) mm, độ dày 1 – 1,1 mm. Chất liệu: kính trắng (SiO2 72.30%, Na2O 14.20%), đạt chuẩn ISO 8037. Lam sạch và khử chất béo, trong suốt và không có bất kỳ loại hấp phụ chọn lọc nào. - Có vùng đầu (nhấn) mờ trắng, kháng dung môi; mài cạnh góc 90°, cắt góc 45° - Sử dụng cho nhuộm IHC thủ công, nhuộm IHC tự động và nhuộm H&E các mô (thường và đông lạnh) cần độ bám dính mạnh."	cái	2,592	

STT	Mã Chào giá	Tên hàng hóa mời thầu (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
80	BVDKDN1422	Lam kính nhám 7105	<p>1. Chất liệu: thủy tinh trong</p> <p>2. Thông số kỹ thuật: kích thước 25,4 x 76x2mm ; dày 1-1,2mm</p> <p>3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: 1 đầu nhám dùng để ghi chú</p> <p>4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</p>	cái	25,920	
81	BVDKDN1423	Pipet bầu nhựa 1ml, không tiệt trùng	<p>1. Chất liệu: LDPE chống vỡ, không độc hại, không tiệt trùng</p> <p>2. Thông số kỹ thuật: Thể tích 1ml, có vạch chia thể tích: 0,25; 0,5; 0,75; 1 ml. Chiều dài 15,5 cm , số giọt/1ml: 25 giọt,</p> <p>3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Bề mặt giảm bám dính tế bào và protein. Có thể được đông lạnh trong nitơ lỏng, hoặc trong heat sealed để lưu trữ</p> <p>4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</p>	cái	900	